

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-6-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiêm và bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1989. Nơi thường trú: Tổ C, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nơi ở: Thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-4-2024, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H đăng ký kết hôn ngày 07-01- 2011 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên can anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi và tiếp tục sa đà vào chuyện tình cảm, chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- Về nuôi con: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Thành H1, sinh ngày 13-7-2011 và cháu Hoàng Lê Tấn S, sinh ngày 04-7-2014 chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-5-2024 bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị B trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành, hiện nay anh và chị B đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

- Về con chung: Anh và chị B có hai con chung là cháu Hoàng Lê Thành H1, sinh ngày 13-7-2011 và cháu Hoàng Lê Tấn S, sinh ngày 04-7-2014, anh đề nghị giao cả hai con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Hoàng Văn H có nơi cư trú tại: Tổ C, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị B, bị đơn anh Hoàng Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị B, anh H đều thừa nhận có mâu thuẫn, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016 đến nay anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, chị B anh H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo hòa giải, nhưng anh H có đơn đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và không đến Tòa án để giải quyết, nên Tòa

án không tiến hành hòa giải được. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

[3] Về nuôi con: Chị B và anh H có hai con chung là cháu Hoàng Lê Thành H1 sinh ngày 13-7-2011 và cháu Hoàng Lê Tấn S, sinh ngày 04-7-2014. Hiện nay cháu H1 và cháu S đang ở với mẹ, chị B, anh H đều đề nghị giao cho chị B trực tiếp nuôi cả hai con, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của đương sự đều đúng với nguyện vọng của cháu H1 và cháu S. Do đó, cần giao hai cháu Hoàng Lê Thành H1 và cháu Hoàng Lê Tấn S cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con, chị B, anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Lê Thành H1 sinh ngày 13-7-2011 và cháu Hoàng Lê Tấn S sinh ngày 04-7-2014 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi, anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001810 ngày 09-4 -2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, (Chị B đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Cường, h. Trấn Yên,
t. Yên Bái;
- Lưu HS; TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Độ